

Số: 91 /ĐAN - TTGSNH
V/v tuyên truyền phổ biến kiến thức
pháp luật về hoạt động kinh doanh
ngoại hối và vàng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đà Nẵng;
- Đài phát thanh truyền hình Đà Nẵng.

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN Số: 721	Ngày: 13.2.2017
Chuyển:	
Mã hồ sơ số:	

Thực hiện Công văn số 11/UBND-KT1, ngày 10/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh ngoại hối, vàng, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP Đà Nẵng kính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng thực hiện tuyên truyền các quy định của pháp luật về ngoại hối và vàng. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP Đà Nẵng cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền và nội dung tuyên truyền như sau:

1. Đối với việc hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam:

Tại Điều 3 Thông tư số 32/2013/TT - NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: Trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các trường hợp được sử dụng ngoại hối quy định tại Điều 4 Thông tư này, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác (bao gồm cả quy đổi hoặc điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ, giá trị của hợp đồng, thỏa thuận) của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối.

Tại Điều 24 Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, quy định xử phạt hành vi vi phạm quy định về ngoại hối, như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết tỷ giá mua, bán ngoại tệ tại địa điểm giao dịch theo quy định của pháp luật;

b) Niêm yết tỷ giá mua, bán ngoại tệ nhưng hình thức, nội dung niêm yết tỷ giá không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng đại lý đối ngoại tệ với tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý đối ngoại tệ; không hướng dẫn, kiểm tra đại lý đối ngoại tệ theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đối ngoại tệ theo quy định của pháp luật; làm đại lý đối ngoại tệ đồng thời cho hai tổ chức tín dụng trở lên;

c) Thanh toán công cụ chuyển nhượng bằng ngoại tệ không đúng quy định về hoạt động ngoại hối quy định tại Điều 9 Luật Các công cụ chuyển nhượng và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc mở, đóng tài khoản tại Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; vay, trả nợ nước ngoài; cho vay, thu hồi nợ nước ngoài và các giao dịch vốn khác;

đ) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính đối với việc đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế; đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư và các thủ tục hành chính khác liên quan đến giao dịch vốn khác;

e) Quy định tỷ giá, các khoản chi hoa hồng, môi giới bằng tiền, hiện vật và các hình thức chi khuyến mại trong hoạt động mua, bán ngoại tệ dưới bất kỳ hình thức nào dẫn đến tỷ giá mua, bán, quy đổi thực tế vượt biên độ tỷ giá theo quy định của pháp luật;

g) Mua, bán ngoại tệ giữa cá nhân với nhau; mua, bán ngoại tệ không đúng tỷ giá quy định của Ngân hàng Nhà nước; thu phí giao dịch không đúng quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc rút vốn, trả nợ đối với các khoản vay nước ngoài; giải ngân, thu hồi nợ đối với các khoản cho vay ra nước ngoài; thực hiện thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; thực hiện chuyển tiền phục vụ hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài không đúng quy định của pháp luật;

i) Chuyển, mang ngoại tệ, đồng Việt Nam ra nước ngoài, vào Việt Nam không đúng quy định của pháp luật, trừ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua, bán ngoại tệ tại tổ chức không được phép thu đối ngoại tệ;

b) Cung ứng dịch vụ thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và các giao dịch vốn khác không đúng quy định của pháp luật;

c) Quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước không đúng quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh casino.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp tín dụng hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, các nghiệp vụ cấp tín dụng khác hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật;

b) Mở, đóng, sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài không đúng quy định của pháp luật;

c) Không bán ngoại tệ thu được cho tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành các quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài; cho vay, thu hồi nợ nước ngoài; bảo lãnh cho người không cư trú và các giao dịch vốn khác, trừ các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm d, đ, h Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện giao dịch hối đoái không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trạng thái ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ không đúng quy định pháp luật;

b) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh tỷ giá, ngoại hối không đúng quy định của pháp luật;

c) Giao dịch, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận, niêm yết, quảng cáo giá hàng hóa, dịch vụ, quyền sử dụng đất bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt không đúng quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ, tổ chức khác mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc giấy phép hoạt động

ngoại hối đã hết thời hạn hoặc bị đình chỉ, hoặc không đúng nội dung đã quy định trong giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số ngoại tệ, đồng Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm i Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm c Khoản 4 và Điểm a Khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đối ngoại tệ trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng khi vi phạm lần đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, văn bản cho phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở ngân hàng nước ngoài trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 Điều này.

2. Đối với hoạt động kinh doanh vàng:

Theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, tại Khoản 1 Điều 1: Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: Hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng và các hoạt động kinh doanh vàng khác, bao gồm cả hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và hoạt động phái sinh về vàng.

a/ Hoạt động sản xuất, gia công và mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ:

Tại Điều 9 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ:

1. Niêm yết công khai tại địa điểm giao dịch về khối lượng, hàm lượng vàng, giá mua, giá bán các loại sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm bán ra thị trường.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, lập và sử dụng hóa đơn chứng từ.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo lường.

4. Có biện pháp và trang thiết bị bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh.

5. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b/ Hoạt động mua, bán vàng miếng:

Tại Điều 10 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng:

Hoạt động mua, bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện tại các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Tại Điều 25 của Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, quy định phạt hành vi vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vàng, như sau:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ mà không công bố tiêu chuẩn áp dụng, không ghi nhãn hàng hóa theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ; khối lượng, hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa điểm giao dịch;

b) Có niêm yết giá mua, giá bán vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ nhưng hình thức, nội dung niêm yết giá không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng;

c) Vi phạm trách nhiệm của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng khi có thay đổi về mạng lưới chi nhánh, địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo quy định của pháp luật;

d) Mua, bán vàng miếng tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp không có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

đ) Thực hiện kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ mà không đáp ứng đủ điều kiện được phép kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện gia công vàng trang sức, mỹ nghệ mà không có đăng ký gia công vàng trang sức, mỹ nghệ trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh mua, bán vàng không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 2 và Điểm a Khoản 7 Điều này;

b) Mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh không đúng quy định của pháp luật, trừ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;

c) Thực hiện cung ứng dịch vụ bảo quản vàng miếng không đúng quy định của pháp luật;

d) Thực hiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ khi không đáp ứng, duy trì bảo đảm các điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Thực hiện kinh doanh mua, bán vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm;

c) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về trạng thái vàng;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ; vàng nguyên liệu dưới dạng bột, dung dịch, vẩy hàn, muối vàng và các loại vàng trang sức dưới dạng bán thành phẩm không đúng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

đ) Sử dụng vàng miếng nhận bảo quản không đúng quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán;

b) Sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu không đúng theo giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ; không tái xuất sản phẩm theo Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu do Ngân hàng Nhà nước cấp.

6. Phạt tiền từ 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sản xuất vàng miếng không đúng quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 450.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh mua, bán vàng miếng nhưng không có giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Thực hiện xuất khẩu hoặc nhập khẩu vàng nguyên liệu không có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;

c) Hoạt động kinh doanh vàng khác khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số vàng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng khi vi phạm lần đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Điểm d Khoản 3 Điều này.

Rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị. / *Minh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc NHNN;
- Lưu: VT, TTGSNH. *Minh*

Đính kèm:

- Pháp lệnh Ngoại hối;
- Nghị định số 70/2014/NĐ-CP;
- Thông tư số 32/2013/TT-NHNN;
- Nghị định số 24/2012/NĐ-CP;
- Thông tư hợp nhất hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;
- Bộ tài liệu Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

GIÁM ĐỐC



Minh
Võ Minh